



DATXANH SERVICES

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN ĐẤT XANH

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2021

DANH MỤC TÀI LIỆU

TÀI LIỆU GỒM:

- 1 Thể lệ làm việc và biểu quyết
- 2 Chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2020
- 3 Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 4 Báo cáo của Ủy Ban Kiểm toán
- 5 Tờ trình Báo cáo tài chính 2020 của Công ty đã kiểm toán
- 6 Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021
- 7 Tờ trình chi trả thù lao năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2021 cho Thành viên HĐQT
- 8 Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2020
- 9 Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
- 10 Tờ trình kế hoạch kinh doanh năm 2021
- 11 Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021
- 12 Tờ trình các giao dịch giữa công ty với người có liên quan
- 13 Tờ trình kết quả chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) và đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán TP HCM
- 14 Tờ trình thay đổi ngành nghề kinh doanh
- 15 Tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ của Công ty
- 16 Tờ trình sửa đổi bổ sung Quy Chế nội bộ về quản trị công ty
- 17 Tờ trình sửa đổi bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị công ty
- 18 Tờ trình Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán

THẺ LỆ LÀM VIỆC, BIỂU QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN ĐẤT XANH

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh;

Thẻ lệ làm việc, biểu quyết, kiểm phiếu thông qua các Báo cáo, Tờ trình và Biên bản tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh theo quy tắc và thẻ lệ sau đây:

I. MỤC TIÊU

1. Đảm bảo việc tổ chức Đại hội tuân thủ theo đúng các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các cổ đông.

II. THẺ LỆ LÀM VIỆC, BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI

1. Khi tiến hành đăng ký tham dự Đại hội, Ban tổ chức sẽ cấp cho cổ đông hoặc các đại diện theo ủy quyền hợp lệ các tài liệu sau "**Thẻ biểu quyết**": Trên mỗi Thẻ biểu quyết sẽ có đầy đủ các thông tin: họ tên, mã số cổ đông/người đại diện hợp pháp cổ đông, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Tất cả các cổ đông hoặc đại diện cổ đông đã làm thủ tục đăng ký tham dự được quyền tham gia, phát biểu ý kiến trong nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa điều khiển cuộc họp. Các cổ đông và nhà đầu tư tham gia cuộc họp phải tuân theo sự điều khiển của Chủ tọa, tạo điều kiện cho cuộc họp diễn ra một cách thuận lợi, nhanh chóng, hợp lệ. Chủ tọa và Thư ký đoàn có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số dự họp.
4. Khi biểu quyết thông qua nội dung đề trình tại Đại hội, cổ đông hoặc đại diện cổ đông tiến hành biểu quyết bằng cách giơ "**Thẻ biểu quyết**".
5. Tổ chức kiểm phiếu: việc kiểm phiếu sẽ được Ban kiểm phiếu thực hiện bằng cách kiểm đếm Thẻ biểu quyết. Ban kiểm phiếu sẽ đếm số biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được ban kiểm phiếu báo cáo tại Đại hội.
6. Thông qua quyết định:
 - Quyết định của đại hội đồng cổ đông chỉ được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

- Trường hợp thông qua quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
- 7. Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Thư ký đoàn ghi chép đầy đủ vào Biên bản cuộc họp. Biên bản cuộc họp là cơ sở để soạn thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và thông qua trước khi bế mạc.

III. HIỆU LỰC THI HÀNH

Thế lệ này được biểu quyết thông qua tại Đại hội và có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông tham dự Đại hội của công ty.

TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



LƯƠNG TRÍ THÌN



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 20...

NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

Thời gian: 8 giờ 00 ngày 22 tháng 06 năm 2021

Địa điểm: 2W Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

| STT | Công việc | Thời gian |
|------------|--|----------------------|
| I | Thủ tục khai mạc | 08h00 – 09h00 |
| 1 | Cổ đông nhận tài liệu, thẻ biểu quyết | |
| 2 | Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự | |
| 3 | Báo cáo kết quả kiểm tra cổ đông tham dự đại hội | |
| 4 | Giới thiệu và biểu quyết thông qua: Chủ tọa đoàn, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu | |
| 5 | Thông qua Thể lệ làm việc, biểu quyết tại Đại hội | |
| 6 | Tuyên bố chương trình đại hội | |
| 7 | Phát biểu khai mạc | |
| II | Nội dung đại hội | 09h00 – 09h30 |
| 1 | Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị | |
| 2 | Thông qua Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán | |
| 3 | Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã kiểm toán | |
| 4 | Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 | |
| 5 | Thông qua việc chi trả thù lao năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2021 cho thành viên HĐQT | |
| 6 | Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2020 | |
| 7 | Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu | |
| 8 | Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021 | |
| 9 | Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 | |
| 10 | Thông qua các giao dịch giữa công ty với người có liên quan | |
| 11 | Thông qua kết quả IPO và niêm yết trên sàn HOSE | |
| 12 | Thông qua bỏ ngành 4610 và/hoặc 6810 | |
| 13 | Thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ của Công ty | |
| 14 | Thông qua việc sửa đổi bổ sung Quy Chế nội bộ về quản trị công ty | |
| 15 | Thông qua việc sửa đổi bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty | |
| 16 | Thông qua Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán | |
| III | Thảo luận, trao đổi ý kiến của cổ đông | 09h30 – 09h45 |
| IV | Tiến hành biểu quyết các báo cáo và tờ trình | 09h45 – 09h55 |
| V | Thông qua Biên bản Đại hội | 09h55 – 10h05 |
| VI | Phát biểu tổng kết Đại hội | 10h05 – 10h10 |


TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
DAT XANH SERVICES
 MSN: 3602545493


LƯƠNG TRÍ THÌN

luc



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2020

Thay mặt Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh (“Đất Xanh Services”), tôi xin gửi đến tất cả Quý vị cổ đông lời chào trân trọng nhất cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trong năm 2020, Việt Nam cũng như toàn thế giới phải chịu nhiều tác động nặng nề do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, thiên tai lũ lụt sạt lở nghiêm trọng,... tác động mạnh đến nền kinh tế thị trường. Trong bối cảnh đó, hoạt động kinh doanh của Đất Xanh Services đã được HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc liên tục giám sát, điều chỉnh các phương án kinh doanh phù hợp với diễn biến của thị trường. Với sự nỗ lực của toàn thể ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên, Đất Xanh Services tiếp tục giữ vững vị trí là Công ty môi giới Bất động sản số 1 tại Việt Nam chiếm 30% thị phần môi giới cả nước.

I. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM TÀI CHÍNH 2020

1. Tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị :

Năm 2020, Hội đồng Quản trị của Đất Xanh Services đã tiến hành các cuộc họp nhằm đưa ra các quyết định về phương án kinh doanh, nhân sự và các chiến lược phát triển công ty. Các cuộc họp có đầy đủ chữ ký của các thành viên HĐQT tham gia dự họp. Nội dung các phiên họp luôn được sự nhất trí và đồng thuận cao, tạo điều kiện thuận lợi trong việc đưa các Nghị quyết của HĐQT vào thực tế kinh doanh của Công ty năm 2020.

2. Tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

2.1. Kết quả Thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020

| Số | Nội dung | Kế hoạch 2020 (tr. đồng) | Thực hiện 2020 (tr. đồng) | Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch |
|----|----------------------------|-----------------------------|------------------------------|---------------------------|
| 1 | Vốn điều lệ | 3.000.000 | 3.224.710 | 107,49% |
| 2 | Kết quả kinh doanh | | | |
| | - Doanh thu thuần hợp nhất | 5.918.000 | 3.256.083 | 54.90% |

| | | | |
|---------------------------------------|-----------|---------|--------|
| - Lợi nhuận sau thuế thuộc Công ty mẹ | 1.597.000 | 873.251 | 54.68% |
|---------------------------------------|-----------|---------|--------|

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2020

Năm 2020 là năm khó khăn do dịch bệnh Covid, khiến hoạt động kinh doanh của Công ty bị tác động đáng kể tại các vùng miền kinh doanh. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành xây dựng Kế hoạch ứng phó với các kịch bản khác nhau của dịch bệnh Covid, với mục tiêu đảm bảo an toàn sức khỏe, đảm bảo công ăn việc làm nhân viên, duy trì hiệu quả hoạt động. Khi dịch bệnh được khống chế, Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành nhanh chóng triển khai các kế hoạch kinh doanh, bán hàng. Kết quả sau 1 năm đầy khó khăn, Công ty vẫn đạt được 3.256 tỷ doanh thu và 873 tỷ Lợi nhuận sau thuế thuộc về Công ty mẹ đạt 55% chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2019 giao.

2. 2. Thực hiện phân phối lợi nhuận trong năm 2020

- **Trích các quỹ trong năm 2020**

Căn cứ theo Nghị quyết số 03/2020/ĐHĐCĐ, Công ty đã thực hiện trích quỹ theo quyết định của Đại hội: Quỹ khen thưởng 2% Lợi nhuận sau thuế năm 2019; Quỹ phúc lợi 1% Lợi nhuận sau thuế năm 2019.

- **Tạm ứng cổ tức năm 2020**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2019 đã thông qua việc giao cho HĐQT Công ty căn cứ vào kết quả kinh doanh trong năm 2020 để tạm ứng cổ tức cho các cổ đông với tỷ lệ chi trả tối thiểu 20% Lợi nhuận sau thuế thuộc Công ty mẹ. HĐQT căn cứ theo tình hình kinh doanh thực tế, thông qua tạm ứng 3,83%/mệnh giá cổ phần (tương đương 13% Lợi nhuận sau thuế thuộc Công ty mẹ 2020) cho các cổ đông theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐQT ngày 06/05/2020.

2. 3. Chi trả thù lao cho thành viên HĐQT cho năm tài chính 2020:

Công ty chưa thực hiện chi trả thù lao năm 2020 cho HĐQT Công ty.

2. 4. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020:

Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

3. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc

Trong một năm nền kinh tế chịu nhiều tác động và gặp khó khăn, HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Tổng Giám đốc và Ban điều hành các cấp trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2020 đã đề ra của Công ty.

IN DICH
DAT XA
MSON

Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã có những chỉ đạo sâu sát, phương án kinh doanh phù hợp, hành động kịp thời để ứng phó với tình hình khó khăn của nền kinh tế nói chung và dịch bệnh nói riêng. Cụ thể, các phương án kinh doanh chuyển đổi từ offline qua online phù hợp với tình hình dịch bệnh, nắm bắt các thời điểm vàng của nền kinh tế để mở bán các sản phẩm, đạt được kết quả khả quan, thúc đẩy nhân viên và các đơn vị kinh doanh trong công tác bán hàng, tìm kiếm các dự án phân phối mở rộng thị phần trên thị trường Bất động sản và luôn quan tâm tới đời sống cán bộ nhân viên.

Đạt được những kết quả trên là sự cố gắng của Ban điều hành của toàn thể các Công ty thuộc hệ thống. Các quyết sách của Hội đồng quản trị được Ban điều hành triển khai quyết liệt nhưng thận trọng, chắc chắn phù hợp với từng thời điểm của nền kinh tế.

4. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác

Toàn thể Ban lãnh đạo công ty luôn thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và nâng cao trách nhiệm về các công việc đã được giao. Làm việc luôn có tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong công tác lãnh đạo, quản lý.

HDQT và Ban lãnh đạo công ty luôn song hành trong các hoạt động, báo cáo chỉ đạo kịp thời nhằm bám sát diễn biến nền kinh tế. Từ đó, xây dựng các chiến lược kinh doanh phù hợp, nâng cao hiệu quả công ty.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2021:

Xác định năm 2021 là năm bán lẻ của Đất Xanh Services, HDQT triển khai định hướng hoạt động của Công ty năm 2021 như sau:

- Tập trung nguồn lực hoàn thành nhiệm vụ chiến lược công tác IPO và niềm yết Công ty trong năm 2021. Thông qua đó, tăng cường sức mạnh tài chính Công ty để đầu tư phát triển các mảng dịch vụ Bất động sản, tiếp tục giữ vững vị trí Công ty dịch vụ Bất động sản số 1 Việt Nam.
- Đẩy mạnh chiến lược phát triển mạng lưới và hệ thống rộng khắp các vùng miền cả nước, giúp DXS đón đầu được tất cả các đợt tăng trưởng của thị trường trên mọi vùng miền của đất nước. Ngoài ra, việc sở hữu hệ thống bao phủ cả nước hỗ trợ cho việc bán chéo sản phẩm các vùng miền mang lại hiệu quả thật sự khác biệt cho DXS.
- Với kinh nghiệm phân phối các dự án khắp cả nước, DXS có cơ hội tiếp cận đầy đủ các quy trình phát triển dự án của các Chủ đầu tư hàng đầu thị trường, hệ thống dữ liệu khách hàng lớn và đội ngũ bán hàng mạnh rộng khắp cả nước. HDQT định hướng năm 2021 tăng cường nguồn lực xây dựng hệ sinh thái công nghệ Bất động sản dành cho môi giới bán mới, môi giới bán lại và các dịch vụ bất động sản (dịch vụ tài chính, dịch vụ quản lý tài sản, định giá tài sản trực tuyến, kiểm tra quy hoạch trực tuyến, quảng cáo tin đăng...).

III. PHẦN KẾT LUẬN:

Trong tình hình dịch bệnh Covid 19 còn diễn biến phức tạp năm 2021, với nội lực sẵn có và quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, HĐQT cam kết hoạt động tích cực trên tinh thần trách nhiệm cao nhằm mang hiệu quả cao nhất cho Công ty và gia tăng giá trị cho các cổ đông.

Trân trọng báo cáo Đại hội.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban TGD,
- Website Công ty;
- Lưu: VT, P.TC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
ĐẠT XANH SERVICES
MISDN: 3602545493
LƯƠNG TRÍ THÌN





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 5 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP
TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

1. Danh sách thành viên độc lập Hội đồng quản trị (“HĐQT”)

Tại ngày lập báo cáo, cơ cấu thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh (“DXS”) có 1/5 thành viên độc lập (chiếm 20% số lượng thành viên HĐQT), phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/07/2020 và quy định tại Khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán.

Danh sách thành viên độc lập HĐQT như sau:

| Họ và tên | Thời gian bổ nhiệm | Chức vụ tại DXS |
|----------------|--------------------|-----------------|
| Trần Thanh Tân | 04/05/2021 | Thành viên HĐQT |

2. Kế hoạch hoạt động của thành viên độc lập HĐQT trong Ủy Ban kiểm toán năm 2021

Thành viên độc lập HĐQT sẽ thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong năm tài chính 2021 trên các phương diện cụ thể:

- Theo dõi, giám sát công tác báo cáo tài chính được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của DXS;
- Công ty kiểm toán được lựa chọn đảm bảo độ tin cậy, trung thực, tuân thủ quy định nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán;
- Giám sát việc tổ chức, triệu tập các cuộc họp HĐQT theo đúng quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ công ty. Các nội dung trong cuộc họp HĐQT được báo cáo, thảo luận và đánh giá minh bạch, công khai và cẩn trọng;
- Theo dõi và giám sát Ban điều hành tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định HĐQT, công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
- Chuẩn bị và trình HĐQT ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán phù hợp với các quy định pháp luật;



- Phối hợp với HĐQT, TGD và các cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ tuân thủ theo quy định và Điều lệ công ty;
- Trong quá trình kiểm tra, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát hiện, UBKT báo cáo cho HĐQT để kịp thời xử lý.

Trên đây là Báo cáo của Ủy ban kiểm toán và Kế hoạch hoạt động trong năm 2021.
Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHỦ TỊCH ỦY BAN KIỂM TOÁN



TRẦN THANH TÂN

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban TGD, UBKT;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, P.TC.



Số: *NĐa*/2021/TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày *3* tháng *5* năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v: Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán niên độ tài chính 2020)

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn báo cáo tài chính, bao gồm: Báo cáo của Tổng Giám đốc, Báo cáo kiểm toán, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính như sau:

1. Toàn văn báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, ý kiến của Kiểm toán viên chấp nhận toàn phần;
2. Toàn văn báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh và các công ty con được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, ý kiến của Kiểm toán viên chấp nhận toàn phần.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban TGD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, P.TC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

LƯƠNG TRÍ THÌN

lưu

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

(V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021)

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông

Việc lựa chọn công ty kiểm toán của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh (“DXS”) phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Trung thực và đề cao đạo đức nghề nghiệp, có danh tiếng và uy tín để tăng cường mức độ tin nhiệm cũng như sự tin tưởng đối với người đọc báo cáo tài chính của DXS đặc biệt đối với các đối tác là tổ chức trong và ngoài nước;
- Tư vấn, hỗ trợ DXS trong việc hoàn thiện bộ máy kế toán cũng như công việc hạch toán kế toán, nâng cao năng lực quản trị;
- Chi phí kiểm toán hợp lý;
- Do Đại hội đồng cổ đông chọn lựa chọn tại Đại hội cổ đông thường niên.

Nhằm lựa chọn công ty kiểm toán đáp ứng những yêu cầu trên, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội xem xét thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn một trong các Công ty kiểm toán dưới đây để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty theo quy định pháp luật trong năm tài chính 2021:

1. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
2. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
3. Công ty TNHH KPMG;
4. Công ty TNHH PwC (Việt Nam);

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban TGD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, P.TC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
ĐẤT XANH SERVICES
MSDN: 3802545493
LƯƠNG TRÍ THÍN





DAT XANH SERVICES

Số: ~~42c~~/2021/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v: Chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2020; Kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2021)

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;
- Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau:

1. Thù lao năm 2020:

Công ty chưa chi trả thù lao HĐQT năm 2020.

Kính trình Đại hội duyệt chi trả thù lao Thành viên HĐQT 2020: 5.000.000 đồng/người/tháng

2. Kế hoạch chi trả thù lao năm 2021

Dựa vào tình hình chi trả thù lao trên thị trường, và năm 2021 DXS trở thành công ty đại chúng, HĐQT đề nghị mức chi trả thù lao như sau:

| | |
|--------------------------------------|-------------------------------|
| Chủ tịch HĐQT | : 30.000.000 đồng/người/tháng |
| Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT | : 20.000.000 đồng/người/tháng |
| Thành viên HĐQT kiêm Thành viên UBKT | : 15.000.000 đồng/người/tháng |
| Thành viên HĐQT còn lại | : 10.000.000 đồng/người/tháng |

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban TGD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, P.TC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



LƯƠNG TRÍ THÌN

DXS – Tài liệu ĐHĐCĐ năm tài chính 2020 – TTr Thù lao HĐQT năm 2020 và Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT năm 2021.

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2020)

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ tình hình thực tế và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc phân phối lợi nhuận như sau:

| STT | Chi tiết | Giá trị (đ) |
|---|--|--------------------------|
| Tổng vốn Chủ sở hữu 2020 | | 5.839.337.258.718 |
| 1 | Vốn điều lệ | 3.224.710.220.000 |
| 2 | Thặng dư vốn | 340.683.172.475 |
| 3 | Phụ trội hợp nhất | (9.350.460.000) |
| 4 | Quỹ đầu tư phát triển | 5.083.303.511 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 455.990.570.113 |
| 6 | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 1.822.220.452.619 |
| Phương án phân phối lợi nhuận 2020 | | |
| 1 | Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2020 | 1.597.000.000.000 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2020 | 873.250.678.942 |
| 3 | Tổng trích quỹ và chia cổ tức, trong đó: | 378.399.332.368 |
| - | Quỹ khen thưởng 2% trên Lợi nhuận sau thuế | 17.465.013.579 |
| - | Quỹ phúc lợi 1% trên Lợi nhuận sau thuế | 8.732.506.789 |
| - | Cổ tức (40% trên Lợi nhuận sau thuế) | 352.201.812.000 |
| - | Cổ tức tiền mặt (đã tạm ứng 2020) | 114.900.000.000 |
| - | Cổ tức bằng cổ phiếu(*) | 237.301.812.000 |

(*) Theo Nghị quyết số 03/2020/DHĐCD, kế hoạch trả cổ tức năm 2020 tối thiểu 20% trên Lợi nhuận sau thuế thuộc Công ty mẹ, HDQT kính trình Đại hội phê duyệt tỷ lệ chi trả cổ tức 2020 bằng 40% trên Lợi nhuận sau thuế thuộc Công ty mẹ, trong đó 13% cổ tức tiền mặt và 27% cổ tức bằng cổ phiếu. Phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu được trình bày chi tiết trong Tờ trình phát hành tăng vốn từ nguồn vốn Chủ sở hữu.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện việc trích và chi quỹ, chia cổ tức theo quy định.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban TGD
- Website Công ty;
- Lưu: VT, P.TC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LƯƠNG TRÍ THÌN

(Handwritten signature)

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN ĐẤT XANH
(V/v phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội thông qua việc “Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu” như sau:

Căn cứ pháp lý cho việc phát hành cổ phiếu

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh;
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh.

I. TÓM TẮT PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

| | | |
|--|-------------------|----------|
| - Vốn điều lệ hiện tại | 3.582.012.080.000 | đồng |
| - Cổ phiếu đã phát hành | 358.201.208 | cổ phiếu |
| - Cổ phiếu quỹ | 0 | cổ phiếu |
| - Cổ phiếu đang lưu hành | 358.201.208 | cổ phiếu |
| - SLCP dự kiến phát hành tỷ lệ 15% | 53.730.181 | cổ phiếu |
| - Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành | 4.119.313.892.000 | đồng |
| - Cổ phiếu sau phát hành | 411.931.389 | cổ phiếu |
| - Cổ phiếu quỹ | 0 | cổ phiếu |
| - Cổ phiếu đang lưu hành dự kiến sau phát hành | 411.931.389 | cổ phiếu |

II. CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Tổng số tiền dự kiến thu được: 0 đồng.
- Tỷ lệ thực hiện quyền 100 : 15 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm và cứ 100 quyền nhận

luu

ph



tròn xuống đến hàng đơn vị).

- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành tối đa theo tỷ lệ là: 53.730.181 cổ phần. Tại thời điểm lập phương án này, số cổ phần đã phát hành của Công ty là 358.201.208 cổ phần và cổ phiếu quỹ của Công ty là 0 cổ phần.
- Đối tượng được phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định.
- Phương thức thực hiện: Cổ đông hiện hữu được phân phối cổ phiếu theo tỷ lệ, quyền nhận cổ phiếu phát hành tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu không được phép chuyển nhượng.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phần phát hành thêm để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ bị hủy.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành thêm cổ phần để chi tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 312 cổ phần. Khi đó, cổ đông A sẽ được nhận thêm tương ứng là $(312 : 100) \times 15 = 46,80$ cổ phần. Theo phương án xử lý cổ phần lẻ, số lượng cổ phần của cổ đông A được nhận sau khi làm tròn xuống hàng đơn vị là 46 cổ phần. Số cổ phiếu lẻ 0,80 cổ phần hàng thập phân sẽ bị hủy.

- Nguồn vốn để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu bằng cổ phiếu: được lấy từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến thời điểm 31/12/2020 trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh.
- Giá trị chênh lệch dương giữa tổng số lợi nhuận dự kiến chi tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (tính theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) so với tổng giá trị số cổ phiếu thực tế phân phối cho các cổ đông hiện hữu (tính theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) sẽ được giữ lại tại nguồn lợi nhuận chưa phân phối của Công ty.

III. THÔNG QUA VIỆC ỦY QUYỀN

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật quyết định tất cả vấn đề liên quan đến đợt phát hành, cụ thể:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành chứng khoán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác.
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt ngày thực hiện quyền và thời điểm triển khai việc thực



Handwritten signature

Handwritten mark

hiện phát hành.

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai Phương án phát hành đã được duyệt, bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh, lựa chọn thời điểm phân phối cổ phiếu nhằm đảm bảo việc phát hành được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu.
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh sau khi hoàn tất đợt phát hành.
- Các công việc khác có liên quan.

IV. THÔNG QUA VIỆC LƯU KÝ, NIÊM YẾT BỔ SUNG

Sau khi hoàn tất đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn tất thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phần phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký thay đổi niêm yết toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua, ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn nhắc và lựa chọn đơn vị Tư vấn, đơn vị Bảo lãnh phát hành (nếu xét thấy cần thiết), chủ động triển khai thực hiện các công việc liên quan đến việc phát hành cổ phần phù hợp với các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty nhằm đảm bảo quyền lợi của Cổ đông, lợi ích Công ty.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban TGD
- Website Công ty;
- Lưu: VT, P.TC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LƯƠNG TRÍ THÌN





DAT XANH SERVICES

Số: 24/2021/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

(V/v: Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021)

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị cam kết hoạt động tích cực trên tinh thần trách nhiệm cao nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho công ty và gia tăng giá trị cho các cổ đông. Ngoài những hoạt động thường nhật và định kỳ theo thông lệ thì trong năm 2021, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc giao cho Hội đồng quản trị thực hiện các kế hoạch chủ yếu như sau:

Đơn vị tính: đồng

| Stt | Nội dung | Thực hiện năm 2020 | Kế hoạch 2021 | Tỷ lệ tăng trưởng |
|-----|-------------------------------|--------------------|-------------------|-------------------|
| 1 | Doanh thu thuần hợp nhất | 3.256.082.866,956 | 7.598.000.000.000 | 133,35% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ | 873.250.678.942 | 1.483.000.000.000 | 69,83% |

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban TGD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, P.TC.



LƯƠNG TRÍ THÌN

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v: Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021)

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty xin trân trọng kính trình Đại hội xem xét thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

| STT | Chỉ tiêu | Tỷ lệ trích lập |
|-----|---|---|
| 1 | Quỹ khen thưởng | 2% trên Lợi nhuận sau thuế thuộc Công ty mẹ |
| 2 | Quỹ phúc lợi | 1% trên Lợi nhuận sau thuế thuộc Công ty mẹ |
| 3 | Thưởng vượt kế hoạch kinh doanh cho Hội đồng quản trị | 10% trên phần lợi nhuận sau thuế thuộc Công ty mẹ vượt kế hoạch |
| 4 | Thưởng vượt kế hoạch kinh doanh cho Ban điều hành | 10% trên phần lợi nhuận sau thuế thuộc Công ty mẹ vượt kế hoạch |
| 5 | Cổ tức dự kiến | 45% trên Lợi nhuận sau thuế thuộc Công ty mẹ |

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị Công ty căn cứ vào kết quả kinh doanh trong năm 2021 để quyết định tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt nhưng không được vượt quá 10% trên vốn điều lệ tại thời điểm chốt danh sách cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định chi khen thưởng trên cơ sở quỹ khen thưởng đã được phê duyệt theo kế hoạch.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban TGD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, P.TC.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
DAT XANH SERVICES
MISON: 3992545193

LƯƠNG TRÍ THÌN

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v: Thông qua các giao dịch giữa công ty với người có liên quan)


Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ tình hình thực tế và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 thông qua các giao dịch giữa công ty với người có liên quan như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông của Công Ty phê duyệt các giao dịch nội bộ được ký kết phù hợp với thông lệ thị trường cũng như các quy định của pháp luật, và giá trị của mỗi giao dịch này thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các giao dịch được liệt kê dưới đây giữa Công Ty với các công ty con của Công Ty (các Công Ty Con) và/hoặc công ty khác trong Hệ thống Công ty Cổ Phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh:
 - a) Các giao dịch chuyển giao quyền sở hữu, cấp quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa – nhãn hiệu dịch vụ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, quyền tác giả và các đối tượng sở hữu trí tuệ khác (đã đăng ký hoặc chưa đăng ký bảo hộ);
 - b) Các giao dịch chia sẻ chi phí, theo đó các chi phí được chia sẻ bao gồm nhưng không giới hạn bởi chi phí dịch vụ công nghệ thông tin, chi phí quản lý, chi phí các dịch vụ khác, và chi phí vận hành phát sinh thực tế, phù hợp với giá thị trường và được phân bổ trên cơ sở thỏa thuận giữa các công ty nêu trên theo nguyên tắc minh bạch, bình đẳng, hợp lý, phù hợp với thông lệ thị trường và các quy định của pháp luật;
 - c) Các giao dịch vay, cho vay, phát hành trái phiếu trong nước và quốc tế của Công Ty, các Công Ty Con; và
 - d) Các giao dịch bảo lãnh, cầm cố, thế chấp, theo đó Công Ty cấp bảo lãnh, hoặc dùng tài sản của mình để bảo đảm cho nghĩa vụ của các Công Ty Con theo các giao dịch, hợp đồng mà Công Ty, Công Ty Con, hoặc công ty khác trong Tập đoàn Đất Xanh là một bên.

Cho mục đích của điều này, các công ty trong Tập đoàn Đất Xanh bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh, các công ty con và công ty liên kết được liệt kê tại báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh tại từng thời điểm.

2. Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị, hoặc Tổng Giám đốc và cho phép Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc ủy quyền lại cho người quản lý khác của Công ty :

DXS - Tài liệu DHĐCD năm tài chính 2020 – Phê duyệt các giao dịch giữa công ty với người có liên quan. 





- a) quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của Các Giao Dịch Liên Quan và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các Giao Dịch Liên Quan, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế Các Giao Dịch Liên Quan (nếu có); và
- b) ký kết và thực hiện Các Giao Dịch Liên Quan và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến Các Giao Dịch Liên Quan, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế Các Giao Dịch Liên Quan (nếu có).

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban TGD
- Website Công ty;
- Lưu: VT, P.TC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
DAT XANH SERVICES
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN
MISDN: 3602545493
LƯƠNG TRÍ THÌN



TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN ĐẤT XANH

(V/v Phê duyệt kết quả chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/ND-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh;
- Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán số 29/GCN-UBCK ngày 23/03/2021
- Căn cứ Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 66/2021/CV-DXS/HSCB ngày 29/04/2021.
- Căn cứ tiến độ thực tế công tác triển khai niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần dịch vụ Bất động sản Đất Xanh tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội thông qua việc “Phê duyệt kết quả chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) và niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)” như sau:

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Số lượng cổ phiếu chào bán: 71.660.228 cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu Tổ chức phát hành chào bán: 35.830.114 cổ phiếu; chiếm tỉ lệ 11,11% số lượng cổ phiếu cùng loại đang lưu hành
 - Số lượng cổ phiếu cổ đông chào bán: 35.830.114 cổ phiếu.
4. Giá chào bán: 32.000 đồng/cổ phiếu.
5. Tổng giá trị vốn huy động dự kiến: 2.293.127.296.000 đồng, trong đó:
 - Giá trị vốn huy động của Tổ chức phát hành dự kiến: 1.146.563.648.000 đồng;
 - Giá trị vốn thu được của cổ đông dự kiến: 1.146.563.648.000 đồng.
6. Phương thức phân phối: Thông qua đại lý phát hành
7. Thời gian nhận đăng ký mua: Từ ngày 31/03/2021 đến ngày 26/04/2021
8. Ngày kết thúc đợt chào bán: 26/04/2021
9. Kết quả chào bán cổ phiếu:
 - Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 2.289.929.600.000 đồng, tương ứng 99,86% tổng số cổ phiếu chào bán
 - + Tổng số tiền thu của Tổ chức phát hành: 1.143.365.952.000 đồng
 - + Tổng số tiền thu của cổ đông chào bán: 1.146.563.648.000 đồng



- Tổng số lượng cổ phiếu đã phân phối: 71.560.300 cổ phiếu
- Tổng số Nhà đầu tư được phân phối: 1.394 Nhà đầu tư, trong đó:
 - o Nhà đầu tư trong nước: 1.377 Nhà đầu tư
 - o Nhà đầu tư nước ngoài: 17 Nhà đầu tư

10. Thông qua việc niêm yết toàn bộ cổ phiếu công ty cổ phần dịch vụ bất động sản đất xanh tại Sở giao dịch Chứng khoán TP. Chí Minh.

Chi tiết về kết quả đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và niêm yết cổ phiếu tại HOSE đã được Công ty báo cáo UBCKNN và công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban TGD
- Website Công ty;
- Lưu: VT, P.TC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

LƯƠNG TRÍ THÌN



TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN ĐẤT XANH
(V/v Thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ công văn số 2716/UBCK-PTTT ngày 09/06/2021 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa;
- Căn cứ công văn số 756/SGDHCM-NY ngày 09/06/2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh về việc bổ sung và hoàn thiện hồ sơ niêm yết.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội thông qua việc thay đổi ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty như sau:

1. Cắt giảm ngành nghề đăng ký kinh doanh, gồm:
 - Cắt giảm ngành "Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê" – mã ngành 6810 ra khỏi hoạt động đăng ký kinh doanh của công ty, do ngành này thuộc danh mục ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với Nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư hiện hành. Tuy nhiên, hiện tại các điều kiện tiếp cận thị trường áp dụng với Nhà đầu tư nước ngoài đối với ngành này chưa được ban hành.
 - Cắt giảm ngành "Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa – Chi tiết: Đại lý mua bán hàng hóa" – mã ngành 4610 ra khỏi hoạt động đăng ký kinh doanh của công ty, do ngành thuộc danh mục ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với Nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư hiện hành. Tuy nhiên, các điều kiện tiếp cận thị trường đối với Nhà đầu tư nước ngoài hiện vẫn đang được xây dựng.
2. Giao và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị cập nhật các nội dung có liên quan đến việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty tại Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của công ty (nếu có).
3. Giao và ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật công ty triển khai các thủ tục cần thiết để cắt giảm ngành nghề kinh doanh của Công ty với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban TGD
- Website Công ty;
- Lưu: VT, P.TC.


TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
DAT XANH SERVICES
MSDN: 3602545493
LƯƠNG TRÍ THÌN



DAT XANH SERVICES

Số: 121/2021/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty)

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC;
- Căn cứ Điều lệ hiệu lực hiện hành.

Nhằm định hướng chiến lược phát triển bền vững của Công ty trong dài hạn; theo quy định của Pháp luật hiện hành; căn cứ yêu cầu thực tế trong công tác Quản trị - Điều hành – Kiểm soát dựa theo thông lệ quản trị tốt của thế giới.

Hội đồng quản trị đã thực hiện rà soát Điều lệ Công ty. Trên cơ sở rà soát, Hội đồng xét thấy một số quy định của Điều lệ cần được sửa đổi, bổ sung sao cho phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành; yêu cầu Quản trị - Điều hành – Kiểm soát theo thông lệ quản trị tốt.

Nội dung chi tiết sửa đổi, bổ sung Điều lệ kèm như file kèm theo Tờ trình này.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban TGD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, P.TC.



LƯƠNG TRÍ THÌN

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

(kèm theo Tờ trình số 49.L./2021/TT-HDQT ngày 31. tháng 5 năm 2021)

| STT | Điều lệ hiện hành | Điều lệ sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|----------|--|--|---|
| 1 | <p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p> <p>e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;</p> <p>i. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;</p> <p>Luật chứng khoán;</p> <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> | <p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>b. Luật doanh nghiệp: Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;</p> <p>c. Luật chứng khoán: Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>e. Người điều hành doanh nghiệp: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;</p> <p>f. Người có liên quan: cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;</p> <p>i. Cổ đông lớn: cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;</p> <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> | <p>Luật DN 2020 thay thế Luật DN 2014</p> <p>Luật CK 2019 thay thế Luật CK 2006</p> <p>Điều lệ không định nghĩa chứng danh điều hành khác</p> <p>Tham chiếu theo luật mới</p> <p>Tham chiếu theo luật mới</p> |
| 2 | <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 49 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 50 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p> | <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p> | <p>Tham chiếu đến Điều 54 theo cấu trúc Điều lệ mới</p> <p>Bổ tham chiếu đến điều khoản gia hạn để logic hơn</p> |
| 3 | <p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng có đồng quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá</p> | <p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng có đồng quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp khác pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p> | |

| | | |
|-----------------|--|--|
| | <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác phù hợp với quy định của pháp luật.</p> | <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</p> |
| | <p>8. Tỷ lệ sở hữu cổ phần đối với nhà đầu tư nước ngoài tối đa là 50%.</p> | |
| <p>4</p> | <p>Điều 7. Cổ phiếu/ Giấy chứng nhận Sở hữu cổ phần</p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi số hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p> | <p>Điều 7. Cổ phiếu/ Giấy chứng nhận Sở hữu cổ phần</p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi số hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p> |
| <p>5</p> | <p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> | <p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> |
| <p>6</p> | <p>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Tổng giám đốc. <p>Công ty đảm bảo số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị đáp ứng theo quy định pháp luật. Các thành viên độc lập thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành Công ty.</p> | <p>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị 3. Tổng giám đốc. |
| | <p>Điều chỉnh tham chiếu theo Luật DN 2020</p> | <p>Điều chỉnh tham chiếu theo Luật DN 2020</p> |

| 7 | Điều 12. Quyền của cổ đông | Điều 12. Quyền của cổ đông | |
|---|--|---|--|
| | 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: | 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: | |
| | a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; | a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết. | Bổ sung Căn cứ Thông tư 116 |
| | c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; | c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 127 Luật doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan; | Bổ sung Căn cứ Thông tư 116 |
| | e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; | e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; | Sửa đổi căn cứ điểm d Điều 115 Luật DN. Sửa đổi là phù hợp vì cổ đông không được quyền xem thông tin cổ phần sở hữu của cổ đông khác. Nếu theo nội dung cũ, cổ đông có quyền tiếp cận không hạn chế thông tin trên danh sách cổ đông |
| | f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; | | Không quy định |
| | i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp; | h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp; | Điều chỉnh tham chiếu theo Luật DN 2020 |
| | | i. Được đổi xử công bằng, cụ thể: mỗi Cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau; | Bổ sung Căn cứ Thông tư 116 |
| | | j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và bất thường do Công ty công bố theo quy định pháp luật; | Bổ sung Căn cứ Thông tư 116 |
| | | k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; dễ nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp; | Bổ sung Căn cứ Thông tư 116 |
| | 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: | 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: | Bổ sung quy định về sở hữu cổ phiếu liên tục 06 tháng theo Quy định tại Điều 115 Luật DN |
| | b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp; | b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp; | Điều chỉnh tham chiếu theo Luật DN 2020 |
| | c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; | | Không quy định |

| | | | |
|---|-------------------------------|---|---|
| | | <p>d. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;</p> <p>e. Kiến nghị văn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, văn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> | Bổ sung căn cứ Điều 115 Luật DN |
| | | <p>e. Kiến nghị văn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, văn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> | Bổ sung căn cứ Điều 115 Luật DN |
| 8 | Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông | <p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>2. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại Cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn Cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị Cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>3. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chi sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>4. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ công ty</p> | Bổ sung căn cứ khoản 5 Điều 119 Luật DN |
| | | <p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> | Bổ sung căn cứ khoản 5 Điều 119 Luật DN |

luu

PL

| | | |
|----------|---|---|
| | <p>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</p> | <p>6. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Công ty sẽ không chịu trách nhiệm đối với trường hợp Công ty không thể liên lạc và/ hoặc không thể gửi thư, tài liệu cho Cổ đông do địa chỉ của Cổ đông không có, không chính xác hoặc không đầy đủ cho mục đích liên lạc và/ hoặc gửi thư đó. Việc không thể liên lạc hoặc gửi thư tài liệu đó sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ, lấy ý kiến Cổ đông và hiệu lực của các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua.</p> |
| <p>9</p> | <p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp đại hội cổ đông trong trường hợp cần thiết nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> | <p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp đại hội cổ đông trong trường hợp cần thiết nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> |
| | <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội cổ đông của công ty.</p> | <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội cổ đông của công ty.</p> |
| | <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp.</p> | <p>Sửa đổi căn cứ Khoản 4 Điều 273 Nghị định 155 và Thông tư 116</p> |
| | <p>Điều chỉnh tham chiếu theo Luật DN 2020</p> | <p>Sửa đổi căn cứ Khoản 4 Điều 273 Nghị định 155 và Thông tư 116</p> |

6/22

| | | | |
|----|--|--|---|
| | | c. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật doanh nghiệp. | Bổ sung căn cứ Thông tư 116 |
| 10 | Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau: a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị (thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên); c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. d. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập; e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: | Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau: a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị (thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên); c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. d. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập; e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: | Bổ sung thêm cho rõ theo quy định của Khoản 2 Điều 15 Điều lệ mẫu thuộc Thông tư 116. |
| | | n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; | Điều chỉnh tham chiếu theo Luật DN 2020 |
| | | Điều 16. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông 1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. | Bổ sung căn cứ Thông tư 116 |
| 11 | Điều 16. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. | Điều 16. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. | Sửa đổi căn cứ khoản 2 Điều 144 Luật DN |

| | | |
|---|---|--|
| | <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> | <p>Sửa đổi căn cứ khoản 2 Điều 144 Luật DN</p> |
| | <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> | <p>Không quy định</p> |
| <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> | | <p>Không quy định</p> |
| <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> | | <p>Không quy định</p> |
| <p>12</p> | <p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> | <p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> |

| | | |
|-----------|---|---|
| | <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</p> | <p>Sửa đổi căn cứ khoản 6 Điều 148 Luật DN (75% là chặn dưới)</p> |
| | <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</p> | <p>Tham chiếu đến Điều 19, 20, 21 theo cấu trúc Điều lệ mới</p> |
| <p>13</p> | <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.</p> | <p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> |
| | <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> | <p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng</p> |
| | | <p>Bổ sung căn cứ điều 273 Nghị định 155</p> |

| | | |
|------------------|---|--|
| | <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất (10) ngày trước ngày khai họp Đại hội đồng cổ đông có đăng trong Danh sách cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> | <p>Sửa đổi căn cứ Khoản 1 Điều 143 Luật doanh nghiệp</p> |
| | <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau: b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p> | <p>Sửa đổi tương ứng với sửa đổi tại Điều 12 Điều lệ</p> |
| | <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chỉnh thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với điều kiện tương ứng quy định tại Điều 21 Điều lệ này.</p> | <p>Bổ sung căn cứ khoản 4 Điều 142 Luật DN.</p> |
| <p>14</p> | <p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đạt điện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> | <p>Sửa đổi căn cứ Khoản 1, điều 145 Luật DN</p> |

Law

K

| | | |
|----|--|--|
| | <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p> | <p>Sửa đổi căn cứ Khoản 2, điều 145 Luật DN</p> |
| | <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mới họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mới họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p> | <p>Sửa đổi căn cứ Khoản 3, điều 145 Luật DN và tăng thêm 10 ngày</p> |
| 15 | <p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> | |
| | <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> | |
| | <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> | |

| | | | |
|-----------|--|---|---|
| | <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> | <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> | <p>Bổ sung căn cứ Thông tư 116</p> |
| | <p>7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</p> | <p>7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.</p> | |
| | <p>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</p> | <p>8. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</p> | <p>Bổ sung theo Khoản 9 Điều 146 LDN và K9, 10 Điều 20 Điều lệ của TT 116</p> |
| | | <p>13. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p> | <p>Bổ sung theo Khoản 9 Điều 146 LDN và K9, 10 Điều 20 Điều lệ của TT 116</p> |
| | | <p>14. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> | <p>Bổ sung theo Khoản 9 Điều 146 LDN và K9, 10 Điều 20 Điều lệ của TT 116</p> |
| <p>16</p> | <p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> | <p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> | |

| | | |
|---|--|---|
| | <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> | <p>Sửa đổi căn cứ khoản 2 Điều 148 Luật DN</p> |
| | <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 50% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> | <p>Điều chỉnh tham chiếu theo Luật DN 2020</p> |
| | <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> | <p>Sửa đổi, bổ sung căn cứ Điều 148 Luật DN</p> |
| <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</p> | <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> | <p>Điều chỉnh tham chiếu theo Luật DN 2020</p> |
| <p>17</p> | <p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề được quy định tại khoản 2 điều 143 của Luật doanh nghiệp được quyền lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> | <p>Sửa đổi, bổ sung căn cứ Điều 148 Luật DN</p> |
| | <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 50% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> | <p>Điều chỉnh tham chiếu theo Luật DN 2020</p> |
| | <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ</p> <p>b. Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán;</p> <p>c. Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp;</p> <p>d. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>e. Dự án đầu tư, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>f. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> | <p>Sửa đổi, bổ sung căn cứ Điều 148 Luật DN</p> |
| | <p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề được quy định tại khoản 2 điều 143 của Luật doanh nghiệp được quyền lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> | <p>Bổ sung căn cứ khoản 2 Điều 47 có ngoại trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.</p> |

| | | |
|----|--|---|
| | <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> | |
| | <p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> | |
| 18 | <p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> | <p>Bổ sung căn cứ khoản 1 Điều 150 Luật DN</p> |
| | <p>Điều 23. Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> | |
| | <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> | |
| | <p>5. Nghị quyết đã được thông qua, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> | <p>Bổ sung theo Khoản 4 Điều 23 Điều lệ TT116</p> |
| | <p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> | |
| 19 | <p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> | |
| | <p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> | |

| | | | |
|----|---|--|--|
| | <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> | <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> | |
| | <p>b. Trình độ học vấn;</p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> | | Không quy định |
| 20 | <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ cùng với thời hạn hoạt động của Công ty. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> | <p>f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên liên quan của công ty;</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp tục công việc.</p> | <p>Bổ sung căn cứ khoản 3 Điều 154 Luật DN và Thông tư 116</p> |

| | | | |
|----|--|--|--|
| | <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> | <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị; phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên là thành viên độc lập Hội đồng quản trị</p> | Sửa đổi căn cứ Thông tư 116 |
| 21 | <p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> | <p>g. Để xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p> <p>h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;</p> <p>j. Để xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</p> <p>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</p> | <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>g. Để xuất việc tổ chức lại, giải thể Công ty, yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>h. Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị; Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>j. Để xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu của công ty;</p> |
| 22 | <p>Hội đồng quản trị</p> <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p> | <p>Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> | |

| | | |
|----|---|---|
| | <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p> | |
| 23 | <p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> | |
| | <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> | <p>Bổ sung</p> |
| | <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.</p> | |
| | <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. | <p>Không quy định</p> |
| | <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> | |
| | <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p> | <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p> |

| | | |
|----|--|---|
| | <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p> | Bổ sung |
| 24 | <p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận</p> | <p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị</p> |
| | | <p>Điều lệ 2021 không còn khái niệm "nhiệm kỳ HĐQT"</p> |

| | | |
|------------------|--|---|
| | <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> | |
| <p>25</p> | <p>Điều 31. Các tiêu chuẩn thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập Ủy ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương toán nội bộ. Số lượng thành viên của Ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên độc lập bên ngoài. Các thành viên của Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Ủy ban và một trong số các Trưởng Ủy ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của Ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Ủy ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> | <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Điều 31. Các Ủy ban/tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập Ủy ban/tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương toán nội bộ. Số lượng thành viên của Ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên của Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Ủy ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng Ủy ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của Ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Ủy ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> |
| <p>26</p> | <p>Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: i. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> | <p>Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: i. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> |
| <p>27</p> | <p>Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên</p> | <p>Bổ sung</p> <p>Bổ sung</p> |

| | | | |
|----|--|--|---------|
| 28 | | <p>CHƯƠNG IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> | Bổ sung |
| 29 | <p>Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân khác, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> | <p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> | |
| | | <p>Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> | |
| | | <p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> | |

| | | |
|----|---|--|
| 30 | <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị, Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> | <p>7. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> |
| 31 | <p>Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty.</p> | <p>Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau: a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có đồng cổ quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số liệu bầu và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> |
| 31 | <p>Điều 47. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> | <p>Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> |

| | | | |
|----|--|--|--|
| | <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p> | <p>Không quy định</p> | |
| 32 | <p>Điều 48. Con dấu</p> | <p>Điều 53. Con dấu</p> | |
| | <p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.</p> | <p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</p> | |

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG


(V/v: *Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty*)

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC;
- Căn cứ điều lệ công ty;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiệu lực hiện hành.

Nhằm định hướng chiến lược phát triển bền vững của Công ty trong dài hạn; theo quy định của Pháp luật hiện hành; căn cứ yêu cầu thực tế trong công tác Quản trị - Điều hành – Kiểm soát dựa theo thông lệ quản trị tốt của thế giới.

Hội đồng quản trị đã thực hiện rà soát Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Trên cơ sở rà soát, Hội đồng xét thấy một số quy định của Quy chế nội bộ về quản trị công ty cần được sửa đổi, bổ sung sao cho phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành; yêu cầu Quản trị - Điều hành – Kiểm soát theo thông lệ quản trị tốt.

Nội dung chi tiết sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty kèm như file kèm theo Tờ trình này. 

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban TGD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, P.TC.


TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
DAT XANH SERVICES
MSDN: 3607945493
LƯƠNG TRÍ THÌN

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

*(kèm theo Tờ trình số **AM.62931/Tr-TGD** ngày **5.4.19.11.2020** và **5.4.19.11.2021**)*

| Stt | Nội dung quy định | hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|---|----------------------|---|---|
| 1. | <p>Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> | <p>Chưa quy định</p> | <p>Bổ sung:</p> <p>Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp đại hội cổ đông trong trường hợp cần thiết nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội cổ đông của công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> | <p>Bổ sung nội dung theo Quy chế mẫu - Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> |

| Stt | Nội dung quy định | hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|-------------------|-----------|---|-------|
| | | | <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông</p> | |

| Stt | Nội dung quy định | hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|-------------------|-----------|--|-------|
| | | | <p>chỉ tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>c. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật doanh nghiệp.</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị (thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên);</p> <p>c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p> <p>d. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>6. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>c. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> | |

| Stt | Nội dung quy định | hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|-------------------|-----------|---|-------|
| | | | <p>h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>i. Thông qua chủ trương Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế tổ chức & hoạt động HĐQT được Hội đồng quản trị trình;</p> <p>j. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>k. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>l. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>m. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;</p> <p>n. Quyết định giao dịch đầu tư/ bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>o. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</p> <p>p. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>q. Trong thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Đại hội đồng cổ đông có thể giao lại cho Hội đồng quản trị quyết định và tổ chức thực hiện một số công việc khi cần thiết;</p> <p>r. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>7. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ</p> | |

AL

| Stt | Nội dung quy định | hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|---|--|---|--|
| | | | <p>đồng đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p> <p>8. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> | |
| 2. | Điều 5. Thông báo triệu tập DHDCCD | <p>1. Người triệu tập họp DHDCCD phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp DHDCCD (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p> | <p>Sửa đổi:</p> <p>1. Người triệu tập họp DHDCCD phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp DHDCCD (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p> | |
| 3. | Điều 6. Thăm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông | Chưa quy định | <p>Bổ sung:</p> <p>Điều 6. Thăm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý</p> | Bổ sung nội dung theo Quy chế mẫu - Thông tư 116/2020/TT-BTC |

| Stt | Nội dung quy định | hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|-------------------|-----------|---|-------|
| | | | <p>kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội cổ đông của công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> f. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; g. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ; h. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ công ty; i. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; j. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.</p> <ul style="list-style-type: none"> d. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d khoản 2 Điều này; e. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội | |

luu

K

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|---|---------------|--|--|
| | | | <p>đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 2 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp.</p> | |
| 4. | Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông | Chưa quy định | <p>Bổ sung: Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: <ol style="list-style-type: none"> a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị; c. Mẫu Phiếu biểu quyết; Mẫu Phiếu bầu cử (nếu có) d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó | Bổ sung nội dung theo Quy chế mẫu - Thông tư 116/2020/TT-BTC |

| Stt | Nội dung quy định | hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|--|---------------|---|-------|
| | | | <p>năm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% số phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty; Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. <p>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chỉnh thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với điều kiện tương ứng quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty.</p> | |
| 5. | Điều 9. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ. | Chưa quy định | <p>Bổ sung: Khoản 3, Điều 9. 3. Cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua các hình thức sau</p> <ol style="list-style-type: none"> Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại | |



| Stt | Nội dung quy định | hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|--|---|---|--|
| 6. | Điều 10. Cách thức kiểm phiếu | | <p>Điều lệ công ty.</p> <p>Bổ sung: Khoản 5, 6, Điều 10. Cách thức kiểm phiếu 5. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành. 6. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, số phiếu biểu quyết tán thành được đếm trước, tiếp đó đến số phiếu biểu quyết không tán thành và đếm số phiếu biểu quyết không có ý kiến, cuối cùng đếm tổng số cổ phiếu biểu quyết đề quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết theo từng vấn đề được Ban kiểm phiếu ghi nhận đầy đủ trong Biên bản kiểm phiếu.</p> | |
| 7. | Điều 13. Lập biên bản họp DHDCCD | <p>Điều 1, Khoản 1 Điều 13 i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký</p> | <p>Bổ sung Điều 1, Khoản 1 Điều 13 i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> | Bổ sung theo điều chỉnh của Khoản 3 điều 60 Luật doanh nghiệp 2020 |
| 8. | Điều 15. Việc DHDCCD thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | <p>Điều 3, Khoản 3, Điều 15 g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty</p> <p>Điều 6, Khoản 6, Điều 15 f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT. Người đại diện theo pháp luật</p> | <p>Sửa đổi Điều 3, Khoản 3, Điều 15 g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.</p> <p>Sửa đổi Điều 6, Khoản 6, Điều 15 f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.</p> | Sửa đổi nội dung phù hợp với tín hình thực tế |

| Stt | Nội dung quy định | hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|--|--|--|--------------------------------------|
| | | <p>của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> | | |
| | | <p>Khoản 8, Điều 15</p> <p>Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác</p> | <p>Sửa đổi Khoản 8, Điều 15</p> <p>Các thành viên HĐQT, Ban kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác</p> | |
| 9. | <p>Điều 17. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT</p> | <p>Khoản 1 Điều 17:</p> <p>1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> | <p>Sửa đổi Khoản 1 Điều 17:</p> <p>1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> | Khoảng 5, điều 115 Luật doanh nghiệp |

| Stt | Nội dung quy định | hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|--|---|---|---------------------------------------|
| | | | <p>Bổ sung Khoản 2 Điều 17.</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p> | |
| 10. | Điều 18. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch Hội đồng quản trị | | <p>Bổ sung:</p> <p>Điều 18. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. 3. Miễn nhiệm/bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ bị trong các trường hợp sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp; b. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c. Có đơn từ chức và được chấp thuận; d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty. | |
| 11. | Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HDQT | <p>Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HDQT</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Không đủ tư cách làm thành viên HDQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp | <p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HDQT</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp</p> | <p>Dẫn chiếu theo Điều lệ Công ty</p> |

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|--|--|--|--|
| | | <p>cấm không được làm thành viên HDQT;</p> <p>2. Có đơn từ chức;</p> <p>3. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HDQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>4. Không tham dự các cuộc họp của HDQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của HDQT;</p> <p>5. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;</p> <p>6. Có tình cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HDQT gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, hình ảnh và lợi ích của Công ty.</p> | | |
| 12. | Điều 23. Thủ lao của Hội đồng quản trị | Chưa quy định | <p>Bổ sung:</p> <p>Điều 23. Thủ lao của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác</p> | Bổ sung nội dung theo Quy chế mẫu - Thông tư 116/2020/TT-BTC |

| Stt | Nội dung quy định | hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|-----------------------------|----------------|---|-------|
| | | | <p>được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thủ lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban/Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban/Ủy ban của Hội đồng quản trị.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p> | |
| 13. | Điều 24. Thông báo họp HĐQT | không quy định | <p>Bổ sung Khoản 1,2,3, Điều 24. Họp HĐQT</p> <ol style="list-style-type: none"> Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, | |

| Stt | Nội dung quy định | hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|--|---|--|-------|
| | | | <p>không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; b. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị; c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; d. Các trường hợp khác theo Điều lệ công ty quy định (nếu có). <p>3. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> | |
| 14. | <p>Khoản 4 Điều 24. Thông báo họp HĐQT</p> <p>1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> | <p>Sửa đổi:</p> <p>Khoản 4 Điều 24. Họp HĐQT</p> <p>1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và phiếu biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> | <p>Điều chỉnh theo Khoản 6, điều 157 luật doanh nghiệp</p> | |

| Stt | Nội dung quy định | hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|--|-----------|--|---|
| 15. | Điều 26. Cách thức biểu quyết | | <p>Bổ sung: Khoản 5, Điều 26, Cách thức biểu quyết 5. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 28 Quy chế này; c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty | |
| 16. | Điều 27. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT | Chưa có | <p>Bổ sung: Khoản 3 Điều 27 3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đồng nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp. | Quy định tại Khoản 3 điều 144 luật doanh nghiệp |

| Stt | Nội dung quy định | hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|---|--|--|-------|
| 17. | Điều 28. Ủy quyền cho người khác dự họp Hội đồng quản trị | | <p>c. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này</p> <p>Bổ sung: Điều 28. Ủy quyền cho người khác dự họp Hội đồng quản trị Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận</p> | |
| 18. | Điều 29. Biên bản họp HĐQT | | <p>Bổ sung: Khoản 2,3 điều 29. Biên bản họp HĐQT 1. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. 2. Trưởng họp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.</p> | |
| 19. | CHƯƠNG V. ỦY BAN THUỘC HĐQT | <p>Chương V. CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT Điều 31. Các tiểu ban thuộc HĐQT HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm</p> | <p>Sửa đổi: Chương V. ỦY BAN THUỘC HĐQT Điều 31. Các Ủy ban thuộc HĐQT HĐQT có thể thành lập Ủy ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của Ủy ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03)</p> | |

| Stt | Nội dung quy định | hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|---------------------------------|--|--|---|
| | | <p>toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/ thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.</p> <p>Điều 32. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban</p> <p>Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của Ủy ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên Ủy ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.</p> | <p>người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/ thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong Ủy ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Chủ tịch Ủy ban/ Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của Ủy ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Ủy ban là thành viên HĐQT.</p> <p>Điều 32. Nguyên tắc hoạt động của các Ủy ban</p> <p>Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của Ủy ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên Ủy ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.</p> | |
| 20. | Chương VI. BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ | | <p>Chương VI. ỦY BAN KIỂM TOÁN</p> <p>Điều 33. Tiêu chuẩn của thành viên Ủy ban kiểm toán</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh. 2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm | <p>Chọn mô hình hoạt động theo Khoản b, Điều 1, Điều 137.</p> |

| Stt | Nội dung quy định | hiện hành: | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|-------------------|------------|--|-------|
| | | | <p>toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>Điều 34. Cơ cấu, thành phần của Ủy ban kiểm toán</p> <p>1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</p> <p>2. Việc bổ nhiệm-Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán</p> <p>1. Giám sát tình trạng thực báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty.</p> <p>2. Rà soát hệ thống Kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.</p> <p>3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Giám sát Phòng KSNB của Công ty.</p> <p>5. Kiến nghị Công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước; khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt.</p> <p>6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán.</p> | |

| Stt | Nội dung quy định | hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|-------------------|-----------|--|-------|
| | | | <p>7. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.</p> <p>8. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.</p> <p>10. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.</p> <p>11. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro, đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.</p> <p>12. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các văn bản quản trị khác của Công ty đã ban hành mà trong đó nêu rõ trách nhiệm, quyền hạn phải thực hiện.</p> <p>13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>14. Các quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ công ty (nếu có).</p> <p>Điều 36. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán</p> <p>1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.</p> <p>2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu</p> | |

| Stt | Nội dung quy định | hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|-------------------|-----------|---|-------|
| | | | <p>quyết. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.</p> <p>Điều 37. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. 2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau: <ol style="list-style-type: none"> a) Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán; c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính Công ty; d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; e) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi | |

| Stt | Nội dung quy định | hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|---|---|---|-------|
| | | | <p>ro của Công ty;</p> <p>f) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty;</p> <p>g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.</p> | |
| 21. | Điều 39. Tổng Giám đốc | <p>điểm b, khoản 3, điều 39. Tổng Giám đốc</p> <p>b. <u>Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tại chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</u></p> | <p>Sửa đổi:</p> <p>điểm b, khoản 3, điều 39. Tổng Giám đốc</p> <p>b. Điều hành và quyết định các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Một hoạt động sẽ được coi là hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty nếu như hoạt động đó không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ hoặc của HĐQT;</p> | |
| 22. | Điều 44. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng Giám đốc | | <p>Bổ sung:</p> <p>Khoản 1, điều 44. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng Giám đốc</p> <p>1. HĐQT bảo đảm tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.</p> | |
| 23. | Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị Công ty | | <p>Bổ sung:</p> <p>Khoản 9, điều 47.</p> <p>9. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> | |

| Stt | Nội dung quy định | hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|---|---|--|-------|
| 24. | Điều 49. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty | <p>Điều 49. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể <u>bỏ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.</u></p> | <p>Sửa đổi Điều 49. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.</p> | |
| 25. | Điều 51. Trách nhiệm cân trọng | <p>Điều 51. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ của cách thành viên các tiêu ban của HĐQT, một cách trung thực, cân trọng vì lợi ích của Công ty.</p> | <p>Sửa đổi Điều 51. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Ủy ban của HĐQT, một cách trung thực, cân trọng vì lợi ích của Công ty.</p> | |
| 26. | Điều 52. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi | <p>Khoản 1 Điều 52. 1. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp, và các quy định pháp luật khác.</p> | <p>Sửa đổi Khoản 1 Điều 52. 1. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp. Điều lệ công ty và các quy định pháp luật khác.</p> | |
| 27. | | <p>Khoản 1 Điều 52.</p> | <p>Sửa đổi Khoản 3 Điều 52.</p> | |

| Stt | Nội dung quy định | hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|---|---|--|-------|
| | | <p>2. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT <u>lưu cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</u></p> | <p>3. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin..</p> | |
| | <p>Khoản 5 Điều 52.</p> <p>3. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng <u>hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ</u></p> | <p>Sửa đổi:</p> <p>Khoản 5 Điều 52.</p> <p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT,</p> | <p>Khoản 2, Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</p> | |

| Stt | Nội dung quy định | hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|-------------------|---|--|-------|
| | | <p>và lợi ích của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc DHDCD thông</p> | <p>Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc DHDCD thông qua.</p> | |

| Stt | Nội dung quy định | hiện hành | sửa đổi/ bổ sung | Lý do |
|-----|---|---|--|-------|
| | | qua. | | |
| 28. | Điều 54. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty | Khoản 1 Điều 54. 1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do Hội đồng quản trị xem xét và quyết định. | Bổ sung: Khoản 7 Điều 52. 7. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. | |
| 29. | Điều 55. Ngày hiệu lực | Khoản 1 Điều 55. 1. Quy chế này gồm 12 chương <u>48</u> điều, được Hội đồng quản trị thông qua ngày tháng năm | Sửa đổi: Khoản 1 Điều 55. 1. Quy chế này gồm 12 chương <u>55</u> điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày tháng năm | |

2024.10.27



DAT XANH SERVICES

Số: ~~12N~~ /2021/TT-~~HDQT~~

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị)

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị hiệu lực hiện hành.

Nhằm định hướng chiến lược phát triển bền vững của Công ty trong dài hạn; theo quy định của Pháp luật hiện hành; căn cứ yêu cầu thực tế trong công tác Quản trị - Điều hành - Kiểm soát dựa theo thông lệ quản trị tốt của thế giới.

Hội đồng quản trị đã thực hiện rà soát Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty. Trên cơ sở rà soát, Hội đồng xét thấy một số quy định của Quy chế này cần được sửa đổi, bổ sung sao cho phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành; yêu cầu Quản trị - Điều hành - Kiểm soát theo thông lệ quản trị tốt.

Nội dung chi tiết sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị kèm theo Tờ trình này.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban TGD;
- Website Công ty.
- Lưu: VT, P.TC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
DAT XANH SERVICES
M.SDN. 3602545393
LƯƠNG TRÍ THỊN

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(kèm theo Tờ trình số 16/N.LAW/TT-HDQT ngày 31. tháng 5. năm 2021)

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|---|--|---|
| 1 | Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng | <p>Điều 2:</p> <p>1. Phạm vi áp dụng: thực hiện các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; cơ chế hội họp, các Hội đồng, ban, tiểu ban giúp việc; mối quan hệ của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng cho các đối tượng sau: Thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng giám đốc Tất cả các Phòng/ Ban/ Trung tâm/ Bộ phận, Công ty con</p> <p>c. Cá nhân, đơn vị có liên quan và hỗ trợ, giúp việc cho HĐQT.</p> | <p>Sửa đổi: Điều 2:</p> <p>1. Phạm vi áp dụng: thực hiện các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng cho các đối tượng sau: a. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng giám đốc, thành viên Ủy ban kiểm toán; b. Tất cả các Phòng/ Ban/ Trung tâm/ Bộ phận, Cán bộ cử của Công ty; Công ty con thuộc Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh; tất cả các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chức năng của Công ty; c. Cá nhân, đơn vị có liên quan và hỗ trợ, giúp việc cho HĐQT Công ty.</p> |
| 2. | Điều 3. Căn cứ pháp lý | Chưa có | <p>Điều 3. Căn cứ pháp lý</p> <p>Căn cứ Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;</p> <p>Căn cứ điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh.</p> |
| 3. | Điều 4. Định nghĩa và giải thích từ ngữ | Chưa có | <p>Điều 4. Định nghĩa và giải thích từ ngữ</p> <p>1. Công ty: Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh.</p> <p>2. Hệ thống Đất Xanh: Công ty và các Công ty trực thuộc Công ty</p> <p>3. HĐQT: Hội đồng quản trị công ty</p> <p>4. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông - là cơ quan quyết định cao nhất trong Công ty gồm tất cả Cổ đông nắm giữ Cổ phần của Công ty.</p> |

luu

AK

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|-------------------|-----------|--|
| | | | <p>5. Ban Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc</p> <p>6. Công ty con: là Công ty thuộc một trong các trường hợp sau, nếu Công ty mẹ:</p> <p>a. Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông;</p> <p>b. Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;</p> <p>c. Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ.</p> <p>7. Cán bộ quản lý khác</p> <p>8. Người có liên quan: là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;</p> <p>b. Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;</p> <p>c. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;</p> <p>d. Người quản lý doanh nghiệp;</p> <p>e. Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý Công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;</p> <p>f. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này;</p> |

A

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|--|---|---|
| | | | <p>g. Công ty trong đó những người quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f và g khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở công ty đó;</p> <p>h. Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để đầu tư phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở Công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.</p> |
| 4. | Điều 5. Nguyên tắc quản trị | Điều 4. Nguyên tắc áp dụng | Sửa đổi: Điều 5. Nguyên tắc quản trị |
| 5. | Điều 6. Cơ cấu tổ chức & hoạt động của Hội đồng quản trị | <p>Khoản 1 Điều 5:</p> <p>a. HĐQT có năm thành viên, do ĐHQĐ bầu, bầu nhiệm, miễn nhiệm.</p> <p>b. HĐQT bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch HĐQT; - Chủ tịch HĐQT sẽ lựa chọn ra trong số các thành viên của HĐQT một phó chủ tịch (nếu thấy cần thiết); - Các thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty hoặc có Quốc tịch Việt Nam hoặc cư trú tại Việt Nam và cần đáp ứng các tiêu chuẩn điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp. <p>c. Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT (nếu có);</p> <p>d. Thành viên HĐQT của Công ty phải đảm bảo ít nhất một thành viên HĐQT là thành viên độc lập</p> <p>e. Chủ tịch HĐQT được bầu trong số các thành viên HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán;</p> | <p>Sửa đổi: Khoản 1 Điều 6</p> <p>a. HĐQT bao gồm Chủ tịch HĐQT & các thành viên HĐQT, Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tái cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc;</p> <p>b. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên là thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp...;</p> |

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|--|---|---|
| | | <p>F. Trường hợp số thành viên HĐQT không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT;</p> <p>g. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT và có thể được bổ sung thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> | <p>d. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;</p> <p>e. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty;</p> <p>f. HĐQT có thể thành lập các ủy ban phụ trách, giúp việc cho HĐQT theo quyết định của HĐQT tại từng thời điểm;</p> <p>g. Chủ tịch HĐQT được bầu trong số các thành viên HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán;</p> <p>h. Trường hợp số thành viên HĐQT không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT;</p> |
| 6. | | <p>Điều 9. Tiêu chuẩn, quyền hạn, nhiệm vụ của người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>Điều 11. Các hội đồng, ban, tiểu ban giúp việc cho HĐQT</p> <p>Chưa có</p> | <p>Huy bỏ</p> |
| 7. | <p>Điều 7.Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Hội đồng quản trị</p> | | <p>Điều 7.Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p> |

(Handwritten signature)

12/ x 12/1

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|-------------------|-----------|---|
| | | | <p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;</p> <p>c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;</p> <p>d. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>e. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;</p> <p>f. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>g. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;</p> <p>h. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</p> <p>i. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán của Công ty ít nhất trong 05 năm liền</p> |

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|-------------------|-----------|---|
| | | | <p>trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;</p> <p>j. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.</p> <p>3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</p> <p>4. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.</p> <p>6. Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực.</p> <p>7. Những trường hợp không cùng đàm nhiệm chức vụ đối với thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT</p> <p>a. Chủ tịch HĐQT phải là thành viên HĐQT không điều hành và không đồng thời là thành viên Ủy ban kiểm toán của Công ty.</p> |

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|--|-----------|---|
| 8. | Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên HĐQT | Chưa có | <p>Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên HĐQT</p> <p>1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; b. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi HĐQT và được chấp nhận; c. Theo quyết định của ĐHQĐ; d. Bị các cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định về công khai các lợi ích có liên quan và nghĩa vụ của thành viên HĐQT; e. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần dịch vụ Bất động sản Đất Xanh và quy định của pháp luật. <p>2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; b. Các trường hợp khác theo nghị quyết của ĐHQĐ <p>3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHQĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Trường hợp số thành viên HĐQT không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, |

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|--|-----------|--|
| | | | <p>kể từ ngày không đủ số thành viên, HĐQT phải triệu tập họp ĐIDCD để bầu bổ sung thành viên HĐQT;</p> <p>b. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, ĐHĐCD bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p> <p>4. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên HĐQT vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p> |
| 9. | Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị | Chưa có | <p>Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau nhưng không hạn chế, thuộc thẩm quyền của HĐQT quyết định:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký HĐQT; bổ nhiệm, miễn</p> |

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|-------------------|-----------|--|
| | | | <p>nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TGD và người điều hành: các Phó TGD, Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do HĐQT quyết định theo từng thời kỳ; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người này;</p> <p>d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>g. Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể Công ty, yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>h. Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> |

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|-------------------|-----------|--|
| | | | <p>k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu của công ty;</p> <p>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p> <p>p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị thông qua:</p> <p>a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty đó, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>c. Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 và khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>d. Chi định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy</p> |

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|-------------------|-----------|--|
| | | | <p>định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại Điểm n, p, Khoản 2, Điều 15 và Khoản 7 Điều 42 của Điều lệ;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá hạn mức do Hội đồng quản trị quy định trong từng thời kỳ hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>i. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>j. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</p> <p>k. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính.</p> |

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|--|--|--|
| 10. | <p>Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> | <p>Điều 7. Quyền hạn, nhiệm vụ của HĐQT</p> <p>Khoản 2. Chưa có (nội dung khác)</p> <p>Khoản 4, Khoản 5: Chưa có</p> | <p>Trừ khi pháp luật và Điều lệ này có quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty</p> <p>Sửa đổi, bổ sung: Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>Khoản 2 Điều 11:</p> <p>2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm Tổng giám đốc.</p> <p>Khoản 4, Khoản 5 Điều 11</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p> |

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|--|--|---|
| 11. | Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị | Điều 8. Quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của Phó chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT Chưa có | Sửa đổi, bổ sung: Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị 13. Thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán. |
| 12. | Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký HĐQT | Chưa có | <p>Bổ sung: Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký HĐQT</p> <p>1. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch HĐQT tuyển dụng thư ký để hỗ trợ HĐQT và Chủ tịch HĐQT thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Hỗ trợ Chủ tịch HĐQT trong việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu, danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ, HĐQT, thư mời họp và tham gia Thư ký đoàn trong các phiên họp của ĐHĐCĐ, HĐQT; ghi chép các biên bản họp;</p> <p>b. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao, trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</p> <p>c. Hỗ trợ Chủ tịch HĐQT trong việc theo dõi, đôn đốc các Thành viên HĐQT và các bộ phận có liên quan trong Công ty thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT và các ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT;</p> <p>d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông;</p> |

Thu 14/28

THUYẾT



| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|---|---|---|
| | | | <p>e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</p> <p>f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> |
| 13. | Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị | Khoản 5 Điều 16 | <p>Bổ sung: Khoản 5 Điều 16 Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> |
| 14. | | | <p>Bổ sung: Khoản 4 Điều 17:</p> |
| 15. | Điều 17. Trình tự tổ chức và tiến hành họp của Hội đồng quản trị | <p>Điều 14. Trình tự tổ chức và tiến hành họp của Hội đồng quản trị</p> <p>Khoản 4 Điều 14: Chưa có</p> | <p>4. Biên bản họp HĐQT phải được các thành viên HĐQT hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp thông qua, chủ tọa và thư ký ký tên đầy đủ và là cơ sở để HĐQT ra Nghị quyết, Quyết định. Trường hợp không nhất trí với một phần hoặc toàn bộ kết luận của cuộc họp, thành viên HĐQT được quyền bảo lưu ý kiến của mình trong nội dung biên bản. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> |
| 16. | | Điều 16. Biên bản họp của HĐQT | Hủy bỏ |
| 17. | CHƯƠNG IV. ỦY BAN/TIỂU BAN GIÚP VIỆC CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | Chưa có | <p>CHƯƠNG IV. ỦY BAN/TIỂU BAN GIÚP VIỆC CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 20. Các Ủy ban/Tiểu ban giúp việc cho Hội đồng quản trị</p> <p>1. HĐQT thành lập các Ủy ban/tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ HĐQT trong công tác hoạt động, tư vấn chuyên môn theo các</p> |

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|-------------------|-----------|---|
| | | | <p>nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền hạn của HĐQT theo Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.</p> <p>2. Thành viên của Ủy ban/tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các Tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các Ủy ban/tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của Ủy ban/tiểu ban nhưng:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của Ủy ban/tiểu ban; b. Nghị quyết của các Ủy ban/Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của Tiểu ban là thành viên HĐQT. <p>3. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của Ủy ban/tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên Ủy ban/tiểu ban của HĐQT được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của Ủy ban/tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót.</p> <p>4. Việc thành lập các Ủy ban/tiểu ban phải được sự chấp thuận của HĐQT. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập Ủy ban/tiểu ban, trách nhiệm của từng Ủy ban/tiểu ban, trách nhiệm của từng thành viên Ủy ban/tiểu ban.</p> <p>5. Người đứng đầu các Ủy ban/tiểu ban phải được HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm. Các Ủy ban/tiểu ban có nhiệm vụ hỗ trợ</p> |

16/28

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|-------------------|-----------|--|
| | | | <p>hoạt động của HĐQT, tham mưu, chuẩn bị các vấn đề liên quan được đưa ra tại cuộc họp của HĐQT và trình bày các ý kiến, khuyến nghị của mình trước HĐQT.</p> <p>6. Việc thành lập và hoạt động của các Ủy ban/tiểu ban được thực hiện như sau:</p> <p>a. HĐQT ra quyết định thành lập các Ủy ban/tiểu ban, trong trường hợp xét thấy cần thiết và có đủ cơ sở, HĐQT có quyền lựa chọn và quyết định thành viên của các Ủy ban/tiểu ban;</p> <p>b. Một Ủy ban/tiểu ban phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên, gồm Trưởng ban và các thành viên khác do HĐQT quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty. Một thành viên HĐQT chỉ được làm Trưởng ban của một Ủy ban/tiểu ban. HĐQT khi thành lập các Ủy ban/tiểu ban phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban/tiểu ban này;</p> <p>c. Sau khi được thành lập, Trưởng ban triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban/tiểu ban phù hợp với quy chế làm việc của Ủy ban/tiểu ban do HĐQT ban hành.</p> <p>7. Việc thực thi quyết định của HĐQT hoặc của Ủy ban/tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên Ủy ban/tiểu ban của HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>Điều 21. Ủy ban kiểm toán</p> <p>1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy Ban kiểm toán là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành</p> |

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|-------------------|-----------|---|
| | | | <p>viên khác của Ủy ban kiểm toán là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</p> <p>2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện được quy định tại luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các văn bản khác có liên quan. Ủy ban kiểm toán thực hiện các chức năng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Giám sát tính trung thực trong báo cáo tài chính của Công ty và các công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty; b. Chịu trách nhiệm chính và đưa ra những chỉ đạo, định hướng đối với nghiệp vụ kiểm toán nội bộ của Công ty; c. Giám sát tình hình hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty; d. Kiến nghị, tham mưu cho HĐQT xem xét, phê duyệt và thực hiện giám sát các giao dịch người liên quan thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, đồng thời đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có sự phê duyệt của ĐHDGD; e. Kiến nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng kiểm toán trong danh sách đơn vị kiểm toán đã được ĐHDGD thông qua; f. Theo dõi, đánh giá sự độc lập và khách quan của đơn vị kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán; g. Tổ chức cuộc họp định kỳ để đánh giá tình hình tài chính của Công ty và hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro; |

15/3/2024

18/28

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|-------------------|-----------|--|
| | | | <p>h. Các chức năng và nhiệm vụ khác được nêu tại Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức hoạt động của Ủy ban kiểm toán và các quy định nội bộ khác có liên quan.</p> <p>Điều 22. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>i. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>j. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>k. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> |

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|---|--|---|
| | | | <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> |
| 18. | Điều 23. Nguyên tắc phối hợp trong công tác | <p>Điều 18. Nguyên tắc phối hợp các thành viên HĐQT</p> <p>3. Trong quá trình phối hợp để xử lý công việc, trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ tổ chức họp lấy ý kiến các thành viên HĐQT khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.</p> | Hủy bỏ |

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|---|---|--|
| 19. | Điều 24. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán | <p>4. Trong trường hợp có sự phân công lại công việc giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó</p> <p>Chưa có</p> | <p>Điều 24. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán</p> <p>1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ủy ban kiểm toán trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình; đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ủy ban kiểm toán.</p> <p>2. Chủ tịch HĐQT bảo đảm tất cả các thành viên Ủy ban kiểm toán được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT.</p> <p>3. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ủy ban kiểm toán có quyền đề nghị HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>4. HĐQT bảo đảm tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT, cũng như các nghị quyết, quyết định và biên bản họp HĐQT được cung cấp cho thành viên Ủy ban kiểm toán cùng với việc cung cấp cho thành viên HĐQT.</p> <p>Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp đợt kiểm tra của Ủy ban kiểm toán, Chủ tịch HĐQT (hoặc Phó Chủ tịch HĐQT được ủy quyền) phải nghiên cứu chi đạo Ban điều</p> |




| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|---|-----------|---|
| | | | <p>Giám đốc hoặc Giám đốc khối, Giám đốc Trung tâm, Trưởng Ban/ Giám đốc Phòng có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu có).</p> <p>7. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.</p> <p>8. Hàng quý, HĐQT tổ chức họp với Ban điều hành để rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong quý, trường hợp cần thiết có thể triệu tập họp hàng tháng để chỉ đạo trực tiếp các công việc cần thực hiện.</p> <p>9. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban điều hành phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời.</p> |
| 21. | Điều 27. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT | Chưa có | <p>Điều 27. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT</p> <p>1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.</p> <p>2. Trong quá trình phối hợp để xử lý công việc, trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến</p> |



| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|---|---|---|
| 22. | | | <p>các thành viên HĐQT khác theo quy định pháp, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.</p> <p>3. Trong trường hợp có sự phân công lại công việc giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.</p> |
| 23. | <p>Điều 28. Công khai các lợi ích liên quan</p> | <p>Điều 20. Mối quan hệ với Ban TGD</p> <p>Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan</p> <p>1. Công khai lợi ích: Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bán chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bán thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, Thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên đó biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p> <p>2. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bán chất, nội dung công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà</p> | <p>Hủy bỏ</p> <p>Sửa đổi, bổ sung</p> <p>Điều 28. Công khai các lợi ích liên quan</p> <p>1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 8 Điều 4 của Quy chế này và các giao dịch tương ứng của họ với công ty;</p> <p>2. Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:</p> <p>a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</p> <p>b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;</p> |

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|-------------------|---|---|
| | | <p>không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động thuộc về Công ty.</p> | <p>3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;</p> <p>4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:</p> <p>a. Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên;</p> <p>b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;</p> <p>c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;</p> <p>d. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> |

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|---------------------------------|-----------|--|
| | | | <p>5. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, Ủy ban kiểm toán và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.</p> |
| 24. | Điều 29. Trình báo cáo hằng năm | Chưa có | <p>Điều 29. Trình báo cáo hằng năm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty; b. Báo cáo tài chính; c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty; d. Báo cáo thẩm định của Ủy ban kiểm toán. 2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ủy ban kiểm toán để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. 3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ủy ban kiểm toán và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở |

| Srt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|---|--|---|
| 25. | Điều 30. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị | <p>Điều 17. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT</p> <p>1. Thành viên HĐQT (Không tính các đại diện khác cho công việc của mình thù lao và quyền lợi viên HĐQT. Tổng mức thù lao và quyền lợi khác cho HĐQT do DHDCCD quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và lợi ích khác được hưởng từ công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phân vốn góp hoặc cán bộ cử phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên HĐQT phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm điều hành hoặc thành viên Ủy ban/tiểu ban hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> | <p>hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.</p> |
| | Điều 30. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị | <p>Sửa đổi:</p> <p>Điều 30. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị</p> <p>1. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của HĐQT do DHDCCD quyết định tại cuộc họp thường niên;</p> <p>2. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban/tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thù lao của thành viên HĐQT và chi phí hoạt động của HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể</p> | |

| Stt | Nội dung quy định | Hiện hành | sửa đổi/ bổ sung |
|-----|-------------------|---|---|
| | | <p>lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chỉ trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;</p> | <p>hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo HĐQT tại cuộc họp thường niên.</p> |



Handwritten signature



DAT XANH SERVICES

Số: ~~12~~P/2021/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v: Ban hành Quy chế Tổ chức hoạt động Ủy ban kiểm toán)

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC;

Nhằm định hướng chiến lược phát triển bền vững của Công ty trong dài hạn; theo quy định của Pháp luật hiện hành; căn cứ yêu cầu thực tế trong công tác Quản trị - Điều hành - Kiểm soát dựa theo thông lệ quản trị tốt của thế giới.

Hội đồng quản trị đã soạn thảo Quy chế Tổ chức hoạt động Ủy ban kiểm toán phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành; yêu cầu Quản trị - Điều hành - Kiểm soát theo thông lệ quản trị tốt.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban TGD;
- Website Công ty;
- L:xx: VT, P.TC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
DAT XANH SERVICES
MSDN: 3602545492
LƯƠNG TRÍ THÌN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN ĐẤT XANH**



**QUY CHẾ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
ỦY BAN KIỂM TOÁN**

(Mã số:TCBM/QC.....)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số
..... Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh)*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày.....tháng.....năm.....



luc

MỤC LỤC

| | |
|---|----------|
| CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG | 3 |
| Điều 1. Phạm vi điều chỉnh..... | 3 |
| Điều 2. Đối tượng áp dụng..... | 3 |
| Điều 3. Giải thích từ ngữ | 3 |
| Điều 4. Các nguyên tắc hoạt động của Ủy ban kiểm toán | 3 |
| CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN..... | 4 |
| Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán | 4 |
| Điều 6. Cơ cấu tổ chức Ủy ban kiểm toán | 4 |
| CHƯƠNG III: HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN..... | 5 |
| Điều 7. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán | 5 |
| Điều 8. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên | 5 |
| Điều 9. Mối quan hệ giữa các thành viên Ủy ban kiểm toán..... | 6 |
| Điều 10. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc..... | 6 |
| Điều 11. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị | 6 |
| Điều 12. Mối quan hệ với cổ đông..... | 7 |
| Điều 13. Hiệu lực thi hành..... | 7 |

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán và các thành viên Ủy ban kiểm toán nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán được áp dụng cho Ủy ban kiểm toán và các thành viên Ủy ban kiểm toán, các đơn vị và cá nhân thuộc Công ty cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Công ty: Công ty cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh.
2. KTNB: Kiểm toán nội bộ.
3. Người có liên quan: là cá nhân hoặc tổ chức theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và Điều lệ công ty.
4. Người quản lý: là cá nhân theo quy định tại Khoản 23, Điều 4 Luật doanh nghiệp và “người điều hành doanh nghiệp” được nêu trong Điều lệ công ty.
5. Cán bộ quản lý: là cán bộ nhân viên được Hội đồng quản trị hoặc/và Ban Tổng giám đốc bổ nhiệm vào các chức danh quản lý theo hệ thống cấp bậc – chức vụ - chức danh của Công ty.
6. Quy định nội bộ: là tập hợp các chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quy trình và các hướng dẫn nghiệp vụ nội bộ của Công ty.

Điều 4. Các nguyên tắc hoạt động của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải báo cáo trực tiếp bằng văn bản với Hội đồng quản trị và không bị can thiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ nhằm đảm bảo Công ty tuân thủ mọi quy định luật pháp.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán thực hiện các công việc tuân thủ quy định pháp luật và các quy định có liên quan. không tham gia các hoạt động làm ảnh hưởng đến uy tín nghề nghiệp.
3. Thành viên Ủy ban kiểm toán không tiết lộ các thông tin được cung cấp trừ khi việc tiết lộ thông tin theo yêu cầu pháp luật.
4. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải trung thực, không bị ảnh hưởng chi phối từ bất kỳ ai trong việc đưa ra các kết luận của mình.
5. Công việc của Ủy ban kiểm toán không làm giảm trách nhiệm tập thể, trách nhiệm cá nhân của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến các nhiệm vụ và trách nhiệm được giao.

**CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ
CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN**

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

1. Giám sát tính trung thực báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty.
2. Rà soát hệ thống Kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.
3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Giám sát Phòng KTNB của Công ty.
5. Kiến nghị Công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt.
6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán.
7. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.
8. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
9. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
10. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
11. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro, đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
12. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các văn bản quản trị khác của Công ty đã ban hành mà trong đó nêu rõ trách nhiệm, quyền hạn phải thực hiện.
13. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.
14. Các quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ công ty (nếu có).

Điều 6. Cơ cấu tổ chức Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.
4. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
5. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ủy ban kiểm toán, thành viên Ủy ban kiểm toán theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

CHƯƠNG III: HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 7. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Cuộc họp được tiến hành khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên tham dự. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;

- c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
- d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó. giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- e) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
- f) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty;
- g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

Điều 9. Mối quan hệ giữa các thành viên Ủy ban kiểm toán

Các thành viên Ủy ban kiểm toán có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán là người điều phối công việc chung của Ủy ban kiểm toán nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ủy ban kiểm toán.

Điều 10. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc

Ủy ban kiểm toán có mối quan hệ độc lập với Ban Tổng giám đốc Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát Ban Tổng giám đốc.

Điều 11. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Ủy ban kiểm toán là một đơn vị trong Công ty, quan hệ làm việc với Hội đồng quản trị công ty theo nguyên tắc bình đẳng và theo Quy chế tổ chức hoạt động Hội đồng quản trị.
2. Các thành viên Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia thảo luận đóng góp ý kiến vào các nội dung được đưa ra thông qua trong cuộc họp.
3. Các thành viên Hội đồng quản trị phải cung cấp tài liệu và thông tin liên quan đến kết quả hoạt động theo yêu cầu của Ủy ban kiểm toán, đồng thời phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ



**QUY CHẾ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
ỦY BAN KIỂM TOÁN**

Mã số: TCBM/QC-03

Soát xét: 00

Hiệu lực: .../.../...

Điều 12. Mối quan hệ với cổ đông

1. Ủy ban kiểm toán với tư cách đại diện cho cổ đông thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và giám sát toàn bộ các hoạt động của Công ty, Do đó, phải chấp hành nghiêm túc chế độ bảo mật thông tin, báo cáo trung thực, chính xác đến cổ đông về hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông.
2. Giải đáp các chất vấn và giải quyết các kiến nghị của cổ đông yêu cầu theo đúng trình tự quy định.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán Công ty cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh bao gồm 3 chương, 14 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 14. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ

Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ Quy chế này thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

